

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**

**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)

**Phòng thi:** C1.A108

**Môn thi:** Kỹ năng đọc

**Ca thi:** 7h30

**Ngày thi:** 14/01/2022

| TT | SBD    | Mã đăng nhập/<br>Mặt khẩu | Họ             | Tên    | Năm sinh   | Ký tên | Ghi chú |
|----|--------|---------------------------|----------------|--------|------------|--------|---------|
| 1  | TA0189 | SV5959194                 | Phạm Viết      | Khánh  | 18/10/1997 |        |         |
| 2  | TA0190 | SV5959195                 | Đặng Trần Nhật | Linh   | 27/07/1999 |        |         |
| 3  | TA0191 | SV5959196                 | Nguyễn Quang   | Linh   | 04/06/1998 |        |         |
| 4  | TA0192 | SV5959197                 | Trần Diệu      | Linh   | 18/09/1999 |        |         |
| 5  | TA0193 | SV5959198                 | Mai Thị        | Loan   | 26/12/1999 |        |         |
| 6  | TA0194 | SV5959199                 | Nguyễn Duy     | Lộc    | 22/02/1998 |        |         |
| 7  | TA0195 | SV5959200                 | Nguyễn Hữu     | Lợi    | 12/11/1997 |        |         |
| 8  | TA0196 | SV5959201                 | Ngô Quang      | Luân   | 09/05/1999 |        |         |
| 9  | TA0197 | SV5959202                 | Nguyễn Tiến    | Mạnh   | 16/11/1999 |        |         |
| 10 | TA0198 | SV5959203                 | Trần Trọng     | Nghĩa  | 16/06/1998 |        |         |
| 11 | TA0199 | SV5959204                 | Trương Trọng   | Nghĩa  | 15/01/1998 |        |         |
| 12 | TA0200 | SV5959205                 | Vũ Văn         | Phúc   | 28/04/1998 |        |         |
| 13 | TA0201 | SV5959206                 | Nguyễn Cúc     | Phương | 08/08/1998 |        |         |
| 14 | TA0202 | SV5959207                 | Nguyễn Tuấn    | Quang  | 27/09/1998 |        |         |
| 15 | TA0203 | SV5959208                 | Tăng Thị Như   | Quỳnh  | 20/09/1999 |        |         |
| 16 | TA0204 | SV5959209                 | Phạm Trường    | Sinh   | 02/05/1999 |        |         |
| 17 | TA0205 | SV5959210                 | Nguyễn Như     | Tâm    | 06/10/1999 |        |         |
| 18 | TA0206 | SV5959211                 | Lương Ngọc     | Thắng  | 15/06/1998 |        |         |
| 19 | TA0207 | SV5959212                 | Vương Văn      | Thắng  | 25/10/1999 |        |         |
| 20 | TA0208 | SV5959213                 | Mai Văn        | Thịnh  | 28/09/1999 |        |         |
| 21 | TA0209 | SV5959214                 | Đoàn Văn       | Thuận  | 28/04/1998 |        |         |
| 22 | TA0210 | SV5959215                 | Nguyễn Minh    | Tiến   | 02/05/1999 |        |         |
| 23 | TA0211 | SV5959216                 | Nguyễn Quang   | Trung  | 01/02/1998 |        |         |
| 24 | TA0212 | SV5959217                 | Nguyễn Anh     | Tuấn   | 09/08/1998 |        |         |
| 25 | TA0213 | SV5959218                 | Lê Thanh       | Tùng   | 07/06/1999 |        |         |
| 26 | TA0214 | SV5959219                 | Phan Khánh     | Tùng   | 28/11/1997 |        |         |

| TT | SBD    | Mã đăng nhập/<br>Mật khẩu | Họ         | Tên | Năm sinh   | Ký tên | Ghi chú |
|----|--------|---------------------------|------------|-----|------------|--------|---------|
| 27 | TA0215 | SV5959220                 | Đỗ Thị Hải | Yến | 21/05/1999 |        |         |
| 28 | TA0216 | SV5959277                 | Vũ Quốc    | Hải | 05/06/1997 |        |         |
| 29 | TA0217 | SV5959278                 | Mai Quốc   | Đạt | 17/09/1997 |        |         |
| 30 | TA0218 | SV5959279                 | Hà Thị     | Lan | 23/07/1996 |        |         |
|    |        |                           |            |     |            |        |         |

Tổng số thí sinh theo danh sách: .....Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

**Cán bộ coi thi thứ nhất**  
*(ký ghi rõ họ tên)*

**Cán bộ coi thi thứ hai**  
*(ký ghi rõ họ tên)*